

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách xã năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ĐỊNH THÀNH
KHÓA IV - KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính
phủ về việc ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 5 năm
địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài
chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách
địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông báo số 126/TB-TCKH ngày 27 tháng 12 năm 2023 của
Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Dầu Tiếng về việc “Giao dự toán thu - chi
ngân sách nhà nước năm 2024”;

Căn cứ Thông báo số 164/TB-TCKH ngày 15 tháng 11 năm 2024 của
Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Dầu Tiếng về việc điều chỉnh dự toán thu -
chi ngân sách nhà nước năm 2024”;

Sau khi xem xét Tờ trình số 439/TTr-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2024 của
Ủy ban nhân dân xã Định Thành về việc điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách xã
năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 42/BC-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của
Ban Kinh tế - Xã hội HĐND xã và ý kiến đóng góp của đại biểu Hội đồng nhân
dân xã.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2024
như sau:

1. Tổng thu ngân sách: 26.364.575.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Trong đó:

- Thu mới: 1.584.436.000 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi sáu ngàn đồng).
- Thu điều chỉnh: 19.122.000.000 đồng (Mười chín tỷ một trăm hai mươi hai triệu đồng).
- Thu kết dư: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).
- Thu chuyển nguồn ngân sách: 5.158.139.000 đồng (Năm tỷ một trăm năm mươi tám triệu một trăm ba mươi chín ngàn đồng).

2. Tổng chi ngân sách: 25.783.575.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ bảy trăm tám mươi ba triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Trong đó:

- Kinh phí thực hiện tự chủ: 5.683.183.884 đồng (Năm tỷ sáu trăm tám mươi ba triệu một trăm tám mươi ba ngàn tám trăm tám mươi bốn đồng).
- Kinh phí không thực hiện tự chủ: 10.774.201.381 đồng (Mười tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm lẻ một ngàn ba trăm tám mươi đồng).
- Chi đầu tư XDCB: 4.368.436.000 đồng (Bốn tỷ ba trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm ba mươi sáu ngàn đồng)
- Chi khen thưởng: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).
- Dự phòng: 638.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi tám triệu đồng).
- Chi rào đất công, làm bảng tên đường, đoàn kết tập hợp thanh niên, diễn tập phòng thủ, kiểm kê đất đai: 1.111.000.000 đồng (Một tỷ một trăm mười một triệu đồng).
- Chi chuyển nguồn ngân sách: 3.108.753.735 đồng (Ba tỷ một trăm lẻ tám triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm ba mươi lăm đồng).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Nhóm đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- TT HĐND, UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- TT Đảng ủy, UBND, UBMTTQ xã;
- Các ban, ngành đoàn thể xã;
- Các Ban của HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Liên thông CSDL;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Đặng Thành Đông





**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ ĐỊNH THÀNH**

Phụ lục 05

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của HĐND xã Định Thành)

Đơn vị tính: đồng.

STT		Dự toán năm 2024	Dự toán điều chỉnh 2024	Chênh lệch
	TỔNG THU NSNN	25,433,575,000	26,364,575,000	931,000,000
	<i>Trong đó: tổng thu cân đối ngân sách</i>	24,972,575,000	25,783,575,000	811,000,000
A	THU NỘI ĐỊA	1,384,436,000	1,584,436,000	200,000,000
	<i>Trong đó: Ngân sách xã được hưởng 100%</i>	923,436,000	1,003,436,000	80,000,000
	<i>Ngân sách huyện hưởng</i>	461,000,000	581,000,000	120,000,000
1	Lệ phí trước bạ nhà đất (huyện thu xã hưởng 20%)	500,000,000	650,000,000	150,000,000
2	Thuế PNN+Nhà đất	10,000,000	10,000,000	0
3	Thu phí, lệ phí	96,000,000	96,000,000	0
	- Lệ phí môn bài (huyện thu xã hưởng 20%)	76,000,000	76,000,000	0
	- Phí , lệ phí khác	20,000,000	20,000,000	0
4	Thu khác ngân sách	110,000,000	160,000,000	50,000,000
-	Thu phạt ATGT	70,000,000	120,000,000	50,000,000
-	Thu phạt VPHC	40,000,000	40,000,000	0
5	Thu vận động	668,436,000	668,436,000	0
B	THU CHUYỂN NGUỒN	5,158,139,000	5,158,139,000	0
C	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH XÃ	500,000,000	500,000,000	0
B	THU BS TỪ NS CẤP TRÊN	18,391,000,000	19,122,000,000	731,000,000
1	BS cân đối ngân sách	13,692,000,000	14,311,000,000	619,000,000
2	BS có mục tiêu	4,699,000,000	4,811,000,000	112,000,000
	- Vốn XD CB (nguồn phân cấp theo TLĐT)	3,700,000,000	3,700,000,000	0
	- Chi diễn tập phòng thủ	200,000,000	200,000,000	0
	- Chi rào đất công, bảng tên đường thuộc xã quản lý, KP đảm bảo hoạt động PCCC tại xã	700,000,000	700,000,000	0
	- Chi thực hiện đề án đoàn kết, tập hợp Thanh niên công nhân và Lao động trẻ tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021-2025	99,000,000	99,000,000	0
	-kiểm kê đất đai		112,000,000	112,000,000



ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của HĐND xã Định Thành)

Đvt: đồng

Stt	Nội dung	DT đầu năm 2024	DT điều chỉnh 2024	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5=4-3	6
	TỔNG CHI (A+B+C+D+E+F)	21,041,436,000	25,783,575,000	4,742,139,000	
	A. Kinh phí thường xuyên	15,168,000,000	16,457,385,265	1,289,385,265	
	I. Kinh phí tự chủ	5,014,401,000	5,683,183,884	668,782,884	
	- Chi tiền lương và BHXH, BHYT	2,344,581,000	2,695,042,404	350,461,404	
	- Chi hoạt động	1,400,000,000	1,400,000,000	-	
	- Chi phụ cấp CBKCT	388,960,000	542,958,400	153,998,400	
	- Chi phụ cấp CBKCT áp	550,860,000	622,140,000	71,280,000	
	- Chi hoạt động Tổ chức Chính trị Xã hội	330,000,000	330,000,000	-	
	- Khen thưởng theo Nghị định 73		93,043,080	93,043,080	
	II. Kinh phí không tự chủ	10,153,599,000	10,774,201,381	620,602,381	
	1. Quản lý hành chính	5,525,883,000	6,006,980,581	481,097,581	
	a. Chi các hoạt động cơ quan NN	2,218,367,000	2,567,640,901	349,273,901	
	- Hội đồng nhân dân	358,900,000	382,228,000	23,328,000	
	- Kinh phí một cửa	226,000,000	226,000,000	-	
	- Chi đào tạo	546,116,000	655,088,000	108,972,000	
	- Mua sắm	121,500,000	122,410,000	910,000	
	- Nông thôn mới	319,000,000	319,000,000	-	
	- Chi khác	646,851,000	862,914,901	216,063,901	
	b. Hoạt động đảng	237,250,000	315,290,100	78,040,100	
	c. Tổ chức chính trị - xã hội	3,070,266,000	3,124,049,580	53,783,580	
	- Hỗ trợ không chuyên trách	506,658,000	810,831,300	304,173,300	
	- Hỗ trợ KCT khu phố	1,924,108,000	2,049,193,280	125,085,280	
	- KP thực hiện cuộc vận động	43,500,000	64,025,000	20,525,000	
	- Ban giám sát ĐT CD, NCT, hiến máu...	200,000,000	200,000,000	-	
	2. Quốc phòng	1,521,000,000	1,621,000,000	100,000,000	
	3. An Ninh	1,554,825,000	1,647,856,800	93,031,800	
	4. SN kinh tế	400,000,000	627,500,000	227,500,000	
	- Kiến thiết thị chính	200,000,000	375,000,000	175,000,000	
	- Môi trường	200,000,000	162,000,000	(38,000,000)	
	- Giao thông		90,500,000	90,500,000	
	5. SN giáo dục - hoạt động hè	20,000,000	20,000,000	-	
	6. Y tế	47,930,000	56,430,000	8,500,000	
	7. Văn hóa TT - TDTT và TT	421,302,000	427,676,000	6,374,000	
	8. Chi đảm bảo xã hội	347,016,000	366,758,000	19,742,000	
	9. Cải cách tiền lương	315,643,000		(315,643,000)	
	B. XD CB	4,368,436,000	4,368,436,000	-	
	C Khen thưởng	100,000,000	100,000,000	-	
	D. Dự phòng	406,000,000	638,000,000	232,000,000	
	E. BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU (rào đất công, đoàn kết tập hợp thanh niên, làm bảng tên đường, diễn tập phòng thủ)	999,000,000	1,111,000,000	112,000,000	
	F. Chuyển nguồn ngân sách		3,108,753,735	3,108,753,735	

